

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
MASAN MEATLIFE CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026
Ho Chi Minh City, January 28, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HANOI STOCK EXCHANGE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: - The State Securities Commission
- The Hanoi Stock Exchange

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Name of organization: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu/ Stock code: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head office address: 10th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại/ Phone: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Authorized person for information disclosure: Mrs. Do Thi Thu Nga

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Type of information disclosure: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Upon Request ☐ Extraordinary ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất Quý IV năm 2025 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận**

Content of disclosed information: **Separate and Consolidated Financial Statements for Quarter IV of 2025 and explaining profit fluctuations letter**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/01/2026 tại đường dẫn: <https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/bao-cao-tai-chinh/?lang=vi>

This information was published on the Company's website on January 28, 2026, at the following link: <https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/financial-reports/>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is truthful and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
REPRESENTATIVE OF MASAN MEATLIFE
CORPORATION

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin
Authorized person for information disclosure



ĐO THỊ THU NGÀ
Giám Đốc Pháp Lý
Legal Director





Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính quý riêng cho kỳ kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 1 tháng 10 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
(trước đây là “Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1”)
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		424.191.490.271	385.090.244.882
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	55.611.010.032	11.908.040.032
Tiền	111		611.010.032	10.685.040.032
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	1.223.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.642.650.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	72.642.650.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.069.214.190	372.110.381.486
Phải thu của khách hàng	131	6	142.534.397.237	189.165.521.212
Trả trước cho người bán	132		-	157.492.460
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	139.000.000.000	136.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	27.293.944.858	60.689.438.595
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(13.759.127.905)	(14.402.070.781)
Tài sản ngắn hạn khác	150		868.616.049	1.071.823.364
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		868.616.049	1.071.823.364
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		7.016.043.347.005	6.714.594.217.697
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.153.302.192.087	2.072.074.137.004
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	2.012.000.000.000	2.071.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	141.302.192.087	1.074.137.004
Tài sản cố định	220		1.146.073.320	1.434.108.049
Tài sản cố định hữu hình	221		1.146.073.320	1.434.108.049
Nguyên giá	222		1.891.871.485	1.838.161.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(745.798.165)	(404.053.436)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.860.906.998.561	4.640.957.385.710
Đầu tư vào các công ty con	251	10(b)	5.229.828.300.000	4.849.828.300.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	10(c)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(1.017.024.025.456)	(856.973.638.307)
Tài sản dài hạn khác	260		688.083.037	128.586.934
Chi phí trả trước dài hạn	261		688.083.037	128.586.934
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.440.234.837.276	7.099.684.462.579

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.132.622.773.421	2.112.013.626.600
Nợ ngắn hạn	310		2.130.906.072.671	122.413.164.599
Phải trả người bán	311	11	14.963.633.966	18.111.930.145
Người mua trả tiền trước	312		293.374.649	293.374.649
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	5.487.874.937	6.602.361.759
Chi phí phải trả	315	13	111.702.236.958	94.275.412.395
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.240.764.172	3.130.085.651
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	320	15(a)	1.995.218.187.989	-
Nợ dài hạn	330		1.716.700.750	1.989.600.462.001
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	15(b)	-	1.988.075.470.001
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.716.700.750	1.524.992.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.307.612.063.855	4.987.670.835.979
Vốn chủ sở hữu	410	16	5.307.612.063.855	4.987.670.835.979
Vốn cổ phần	411	17	3.403.168.580.000	3.290.525.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.403.168.580.000	3.290.525.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.137.052.965.149	2.137.102.965.149
Lỗi lũy kế	421		(232.609.481.294)	(439.958.059.170)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(439.958.059.170)	(410.382.252.122)
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/ (lỗi sau thuế năm trước)	421b		207.348.577.876	(29.575.807.048)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.440.234.837.276	7.099.684.462.579

Ngày tháng 1 năm 2026



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/10/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	18	41.473.730.707	52.590.892.423	185.361.508.038	161.828.085.340
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		39.498.791.149	50.086.564.213	176.534.769.559	154.121.986.039
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.974.939.558	2.504.328.210	8.826.738.479	7.706.099.301
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	39.253.381.728	39.416.507.766	544.911.721.231	522.472.903.218
Chi phí tài chính	22	20	177.823.520.710	205.874.579.589	338.737.876.302	555.413.198.132
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.226.964.986	46.572.446.082	171.465.408.617	177.986.160.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		-	-	7.652.005.532	4.339.532.509
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(136.595.199.424)	(163.953.743.613)	207.348.577.876	(29.573.728.122)
Thu nhập khác	31		42.575.416	1.589.006.175	-	-
Chi phí khác	32		-	-	-	2.078.926
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		42.575.416	1.589.006.175	-	(2.078.926)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(136.552.624.008)	(162.364.737.438)	207.348.577.876	(29.575.807.048)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(136.552.624.008)	(162.364.737.438)	207.348.577.876	(29.575.807.048)

Ngày tháng 1 năm 2026



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	207.348.577.876	(29.575.807.048)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	341.744.729	202.563.118
Các khoản dự phòng	03	160.300.719.649	368.476.579.630
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(544.909.769.736)	(522.472.903.218)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	178.608.126.605	188.637.097.576
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.689.399.123	5.267.530.058
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	42.902.371.274	(77.680.392.108)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	13.889.962.717	(5.778.317.246)
Biến động chi phí trả trước	12	(356.288.788)	(447.369.386)
		58.125.444.326	(78.638.548.682)
Tiền lãi vay đã trả	14	(171.498.285.001)	(189.350.430.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(113.372.840.675)	(267.988.979.011)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(53.710.000)	(1.586.321.167)
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(417.642.650.000)	(2.131.000.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay	24	401.500.000.000	2.018.794.077.093
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(380.000.000.000)	(350.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	441.489.510.675	701.526.131.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.293.150.675	237.733.886.976

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí phát hành và tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	31	111.782.660.000	30.119.830.000
Tiền thu từ đi vay	33	-	60.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(60.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	-	(33.516.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	111.782.660.000	30.086.314.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	43.702.970.000	(168.778.035)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	11.908.040.032	12.076.818.067
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	55.611.010.032	11.908.040.032

Ngày tháng 1 năm 2026

Mã Hồng Kim
Kế toán trưởngNguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chínhNguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2025: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 10.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 203 nhân viên (1/1/2025: 177 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị. Dự phòng giảm giá đầu tư không được lập khi Công ty đánh giá rằng không có khả năng mất vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 5 năm

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay, thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được xác lập.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”), dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(q) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở thực hiện các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng cùng kỳ của năm trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	611.010.032	10.685.040.032
Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	1.223.000.000
	<hr/>	<hr/>
	55.611.010.032	11.908.040.032

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

6. Phải thu của khách hàng*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	34.471.814.100	56.220.256.989
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	16.500.149.441	25.184.528.848
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	15.275.826.703	12.045.853.956
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	4.308.435.589	4.662.824.265
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	17.527.456.896	41.982.534.302
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	16.138.995.991	20.455.411.631
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	15.522.305.710	6.126.920.051
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	8.952.468.534	8.007.304.021

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	70.000.000.000	70.000.000.000
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	69.000.000.000	66.500.000.000
	139.000.000.000	136.500.000.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	2027	177.000.000.000	150.000.000.000
<i>Bên liên quan khác</i>			
▪ Công ty TNHH Zenith Investment	2027	1.835.000.000.000	1.921.000.000.000
		2.012.000.000.000	2.071.000.000.000

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu khác từ các công ty con	23.751.799.679	22.421.550.591
Lãi phải thu từ cho vay	2.136.958.904	38.166.480.009
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	1.291.726.015	8.923.932
Phải thu khác	113.460.260	92.484.063
	<hr/> 27.293.944.858	<hr/> 60.689.438.595 <hr/>

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	4.722.407.034	6.521.130.075
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	4.916.655.442	8.141.942.934
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	3.829.382.562	1.563.351.959
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	698.810.216	1.053.879.759
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	4.781.401.418	4.691.694.804
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	3.906.271.845	34.723.644.474
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	1.905.463.703	3.316.927.661
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	1.128.366.363	575.458.934
	<hr/>	<hr/>

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Zenith Investment, một bên liên quan	134.322.000.004	384.200.004
Lãi phải thu từ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn, một công ty con	4.229.178.083	-
Đặt cọc dài hạn	2.751.014.000	689.937.000
	141.302.192.087	1.074.137.004

Lãi cho vay phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của hợp đồng cho vay liên quan.

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ	14.402.070.781	14.370.544.503
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	850.354.860
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(473.942.876)	(477.569.582)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(169.000.000)	(341.259.000)
Số dư cuối kỳ	13.759.127.905	14.402.070.781

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, không có khoản tiền gửi có kỳ hạn thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu phát hành của Công ty.

(b) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2025		1/1/2025	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MEATDeli HN ("MHN") (*)	100,00%	2.766.000.000.000	100,00%	2.386.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu ("MSJ")	74,99%	985.000.000.000	74,99%	985.000.000.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An ("FNA")	100,00%	864.000.000.000	100,00%	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3FV") (*)	51,00%	614.774.300.000	51,00%	614.774.300.000
Công ty TNHH MNS Meat ("MNM") (**)	99,99%	54.000.000	99,99%	54.000.000
		<u>5.229.828.300.000</u>		<u>4.849.828.300.000</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư này được xác định là có sự suy giảm giá trị, do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này với số tiền là 1.017.024 triệu VND (1/1/2025: 856.974 triệu VND). Dự phòng cho các khoản đầu tư này được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c).

(**) Tại ngày 13 tháng 1 năm 2026, MNM đã hoàn thành thủ tục giải thể.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ	856.973.638.307	490.258.885.037
Dự phòng trích lập trong kỳ	160.050.387.149	366.714.753.270
Số dư cuối kỳ	1.017.024.025.456	856.973.638.307

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MHN VND	MSJ VND	FNA VND	3FV VND	MNM VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.386.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	4.849.828.300.000
Tăng trong kỳ	380.000.000.000	-	-	-	-	380.000.000.000
Số dư cuối kỳ	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	5.229.828.300.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2025 và 1/1/2025		
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Vissan được thành lập tại Việt Nam và hoạt động chính của Vissan là bán buôn thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025.

Không có biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần The CrownX	4.622.272.666	1.612.828.884
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	3.493.949.149	9.565.972.082
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	3.179.902.209	1.616.591.085
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	-	3.062.978.039
Các nhà cung cấp khác	3.667.509.942	2.253.560.055
	14.963.633.966	18.111.930.145

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	3.179.902.209	1.616.591.085
Công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	-	73.513.363
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần The CrownX	4.622.272.666	1.612.828.884
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	3.493.949.149	9.565.972.082
▪ Công ty TNHH The Sherpa	384.045.107	-
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	18.817.805	16.763.916
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	-	3.062.978.039
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	10.907.330	-

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ/ Hoàn lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.542.557.340	19.327.262.735	(13.237.077.574)	(5.405.793.801)	4.226.948.700
Thuế thu nhập cá nhân	3.059.804.419	22.760.895.255	(23.878.262.443)	(681.510.994)	1.260.926.237
Thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	4.351.265	(4.351.265)	-	-
	6.602.361.759	42.092.509.255	(37.119.691.282)	(6.087.304.795)	5.487.874.937

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	60.141.864.328	60.174.740.712
Thưởng thành tích và lương tháng 13	22.277.962.475	24.025.820.000
Chi phí phải trả khác	29.282.410.155	10.074.851.683
	111.702.236.958	94.275.412.395

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	700.205.100	700.205.100
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	-	809.990.000
Phải trả khác	2.540.559.072	1.619.890.551
	3.240.764.172	3.130.085.651

15. Trái phiếu phát hành

(a) Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ	31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15(b))	- 1.995.218.187.989		- 1.995.218.187.989

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Trái phiếu phát hành dài hạn**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(4.761.812.011)	(11.904.529.999)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.995.218.187.989	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	1.988.075.470.001

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	8,575%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ	11.904.529.999	19.047.247.987
Phân bổ trong kỳ	(7.142.717.988)	(7.142.717.988)
Số dư cuối kỳ	4.761.812.011	11.904.529.999

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(410.382.252.122)	4.987.126.813.027
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	19.196.530.000	10.923.300.000	-	30.119.830.000
Lãi thuần trong năm	-	-	(29.575.807.048)	(29.575.807.048)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(439.958.059.170)	4.987.670.835.979
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	112.642.650.000	(50.000.000)	-	112.592.650.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	207.348.577.876	207.348.577.876
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	(232.609.481.294)	5.307.612.063.855

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong kỳ của vốn cổ phần như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025		Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Phát hành cổ phiếu	11.264.265	112.642.650.000	1.919.653	19.196.530.000
Số dư cuối kỳ	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000

18. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Thu nhập lợi nhuận được chia từ một công ty con	380.000.000.000	350.000.000.000
Thu nhập cổ tức từ một công ty liên kết	10.090.013.000	12.108.015.600
Thu nhập lãi	154.819.756.736	160.364.887.618
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.951.495	-
	544.911.721.231	522.472.903.218

20. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu	171.465.408.617	177.986.160.410
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	160.050.387.149	366.714.753.270
Chi phí phát hành trái phiếu	7.142.717.988	7.142.717.988
Chi phí tài chính khác	79.362.548	3.569.566.464
	338.737.876.302	555.413.198.132

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Chia sẻ chi phí (*)	2.944.353.897	1.496.843.597

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cung cấp dịch vụ	52.785.093.738	45.083.631.183
Mua hàng hóa	-	59.784.000
Góp vốn	380.000.000.000	350.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Cung cấp dịch vụ	24.131.311.159	20.587.372.191
Mua hàng hóa	-	71.064.815
Vay	-	60.000.000.000
Trả nợ gốc vay	-	60.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	1.643.836
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Lợi nhuận được chia	380.000.000.000	350.000.000.000
Lợi nhuận được chia nhận được	380.000.000.000	350.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	15.078.401.570	13.734.694.631
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	11.106.613.519	10.657.008.193
Cho vay	70.000.000.000	60.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	70.000.000.000	69.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	4.777.643.835	5.638.684.931
Lãi cho vay nhận được	11.506.849.313	25.767.123
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	275.000.000.000	150.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	245.500.000.000	177.416.497.299
Thu nhập lãi cho vay	11.097.301.373	15.123.924.194
Lãi cho vay nhận được	36.168.438.917	-
Cung cấp dịch vụ	27.558.241.847	24.469.626.340
Mua hàng hóa	-	51.938.160
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	10.096.405.527	9.959.031.932
Mua tài sản cố định	-	87.522.360
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01		
Cung cấp dịch vụ	22.625.904.359	21.029.337.737
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Cung cấp dịch vụ	21.979.536.319	16.307.383.133

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản		
Thu nhập cổ tức	10.090.013.000	12.108.015.600
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí quản lý và công nghệ thông tin (*)	22.471.558.955	21.679.311.294
Mua hàng hóa	23.152.773	16.599.999
Mua tài sản cố định	-	1.424.423.807
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan		
Chia sẻ chi phí (*)	4.269.809.051	2.836.090.777
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	212.844.922	139.934.786
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	171.515.366	134.677.827
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan		
Thu hồi khoản cho vay	-	1.772.377.579.794
Thu nhập lãi cho vay	-	138.440.031.386
Lãi cho vay nhận được	-	338.621.581.316
Công ty TNHH Zenith Investment		
Cho vay	-	1.921.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	86.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	134.815.000.000	384.200.000
Lãi cho vay nhận được	877.200.000	-
Công ty TNHH The Sherpa		
Chia sẻ chi phí	349.131.915	-
Công ty Cổ phần The CrownX		
Chia sẻ chi phí (*)	4.307.429.981	1.493.360.078
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage		
Mua hàng hóa	26.936.714	9.181.716
Thành viên quản lý chủ chốt (**)		
Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	5.978.994.000	5.882.137.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

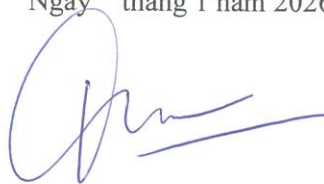
Tại ngày và cho các kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Công ty đã trình bày lại các giao dịch của kỳ trước để bao gồm các chi phí trả thay các công ty con cho các bên liên quan này để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.
- (**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày tháng 1 năm 2026



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc